

XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Hoạt động thi hành án dân sự là một dạng của hoạt động tư pháp nhưng có tính đặc thù riêng, trong đó các chủ thể có thẩm quyền đưa bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định của các cơ quan, tổ chức khác ra thi hành. Hoạt động thi hành án dân sự được tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc nhất định và theo những trình tự, thủ tục chặt chẽ do pháp luật thi hành án dân sự quy định. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự, thủ trưởng cơ quan thi hành án, chấp hành viên có thể có quyết định, hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền, lợi ích và nghĩa vụ liên quan đến thi hành án dân sự. Do vậy, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã quy định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự là rất cần thiết.

a) Phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự

- Hoạt động liên quan đến ra quyết định về thi hành án:

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước xác định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự và quy định cụ thể Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong ra hoặc cố ý không ra quyết định thi hành án. Tuy nhiên, trong lĩnh vực thi hành án dân sự cần quy định rõ về trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trái pháp luật và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định thi hành án.

Thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án cũng quy định phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự theo hướng Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án. Cần quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với lĩnh vực thi hành án dân sự Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án trái pháp luật; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên cố ý không ra quyết định thu hồi, sửa đổi, bổ sung,

hủy quyết định về thi hành án khi có căn cứ thu hồi, sửa đổi, bổ sung, hủy quyết định về thi hành án theo quy định của pháp luật.

Để hiểu rõ thêm quy định trên, chúng ta cùng nhau nghiên cứu vụ việc sau. Cụ thể, để thi hành hai bản án kinh tế do ông Minh trả nợ, Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh An Giang tiến hành thủ tục bán đấu giá tài sản, ra quyết định bán tài sản số 517/UTTHA, ngày 25-10- 1999. Ông Hiệp đăng ký và mua tài sản đó nhưng Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 352/QĐ.THA, ngày 30-5-2000 để thu hồi Quyết định bán tài sản số 517/UT.THA. Công văn số 07/TP.THA, ngày 8- 01-2001 của Cục Quản lý thi hành án dân sự cho rằng Phòng Thi hành án dân sự tỉnh An Giang bán tài sản của ông Minh là đúng nhưng Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 352/QĐ.THA thu hồi Quyết định thi hành án số 517/UT.THA là không có căn cứ pháp luật. Sau đó, ông Hiệp khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang bồi thường thiệt hại cho ông và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã xét rằng: “Cơ quan Thi hành án bán tài sản theo Quyết định số 517/UT.THA, ngày 25-10-1999 là đúng pháp luật. Nhưng sau đó, Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang đã ra Quyết định số 517/UT.THA ngày 25-10-1999 làm cho hợp đồng mua bán tài sản bị hủy bỏ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Điều này đã được khẳng định tại Công văn số 07/TP.THA, ngày 5-1-2001 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự cũng đã đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh An Giang hủy bỏ Quyết định số 352/QĐ.THA vì không có căn cứ và đại diện Cơ quan Thi hành án dân sự cũng đã thừa nhận có lỗi do nhầm lẫn tài sản định giá theo giá tài sản hoạt động được nên hậu quả thiệt hại thi hành án phải bồi thường”. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã áp dụng Điều 623 và Điều 624 , Bộ Luật dân sự 1995, xử “Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hiệp đòi Thi hành án dân sự tỉnh An Giang bồi thường thiệt hại do ra Quyết định thu hồi việc bán tài sản”.

Trường hợp của ông Hiệp là trường hợp được Nhà nước bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự. Với hoàn cảnh tương tự trong vụ việc của ông Hiệp xảy ra ở thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để giải quyết và đây là trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự được quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 38, bồi thường của Nhà nước nêu trên với nội dung là Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra quyết định thu hồi quyết định về thi hành án”.

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án. Tuy nhiên, trong lĩnh vực thi hành án dân sự nếu chấp hành viên ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án không có căn cứ pháp luật hoặc cố ý không ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án khi có căn cứ áp dụng biện pháp bảo đảm trong trường hợp tự mình áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; Chấp hành viên ra không đúng hoặc cố ý không ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án trong trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo yêu cầu của đương sự. Trường hợp Chấp hành viên ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án đúng theo yêu cầu của đương sự mà gây thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Đối với quyết định cưỡng chế thi hành án được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ***cũng xác định Phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự đối với trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định Cưỡng chế thi hành án. Cưỡng chế thi hành án dân sự là việc cơ quan thi hành án dùng quyền lực nhà nước buộc người phải thi hành án phải thực hiện các nghĩa vụ thi hành án dân sự của người phải thi hành án đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, do chấp hành viên áp dụng trong trường hợp người phải thi hành án có điều kiện để thi hành án nhưng họ không tự nguyện thi hành án. Cần nghiên cứu quy định trường hợp Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế thi hành án trái pháp luật; Chấp hành viên cố ý không ra quyết định cưỡng chế thi hành án khi có căn cứ áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.***

Để hiểu rõ quy định trên, chúng ta cùng nhau nghiên cứu vụ việc sau. Cụ thể, theo Quyết định tại Bản án ly hôn phúc thẩm số 114/PTLH, ngày 17-9-1988 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thì chiếc xe ô tô tải nhẹ nhãn hiệu Wuling mang biển kiểm soát 29L-2236 được giao cho ông Đức sở hữu (đây là tài sản của ông Đức được chia khi ly hôn với bà Thủy). Ngày 20-3-1999, Chấp hành viên của Đội Thi hành án quận Thanh Xuân, Hà Nội quyết định cưỡng chế kê biên chiếc xe nêu trên và làm thủ tục kê biên không đúng các quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho ông Đức.

Sau đó, ông Đức khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Đội Thi hành án quận Thanh Xuân bồi thường các thiệt hại về xe xuống cấp hư hỏng, thu nhập của xe và lái xe trong thời gian xe bị kê biên. Tại Bản án dân sự sơ thẩm 80 12/DS-ST, ngày 18-9-2003, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội đã quyết định: “Chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về chiếc xe Wuling biển kiểm soát 29L-2236 và những thu nhập bị mất trong thời gian xe bị thụ giữ của ông Phạm Văn Đức với Đội Thi hành án quận Thanh Xuân (...). Buộc Thi hành án quận Thanh Xuân phải bồi thường thiệt hại”. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 294/DS-PT, ngày 12-12-2003, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội cũng theo hướng: “Buộc Thi hành án quận Thanh Xuân phải bồi thường thiệt hại”. Khi xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã xét rằng: “Ngày 20- 3-1999, Chấp hành viên Cơ quan thi hành án quận Thanh Xuân quyết định cưỡng chế kê biên chiếc xe ô tô trên và làm thủ tục kê biên không đúng các quy định của pháp luật, nên đã gây thiệt hại cho ông Đức. Do đó, ông Đức khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đức để buộc Cơ quan Thi hành án quận Thanh Xuân, Hà Nội bồi thường cho ông Đức là đúng”.

Trong vụ việc nêu trên, Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân đã ra quyết định cưỡng chế kê biên chiếc xe và làm thủ tục kê biên không đúng các quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho ông Đức nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Đức. Với hoàn cảnh tương tự trong vụ việc của ông Đức xảy ra ở thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để giải quyết và đây là trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 thường của Nhà nước nêu trên.

Quyết định thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định trong Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án. Như vậy, cần nghiên cứu đối với trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trái pháp luật; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong thời hạn theo quy định của pháp luật; Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án để thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án đúng với quyết định đó mà gây ra thiệt hại thì không thuộc trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định hoãn thi hành án. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án trái pháp luật; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không chủ động ra quyết định hoãn thi hành án khi việc thi hành án thuộc một trong các trường hợp cố ý không ra quyết định hoãn thi hành án dân sự khi nhận được yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định hoãn thi hành án hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền kháng nghị mà gây ra thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

Đối với quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp ra hoặc cố ý không ra quyết định Tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án trái pháp luật; Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án trái pháp luật;

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án khi nhận được thông báo của Tòa án về việc đã thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, đối với người phải thi hành án mà gây ra thiệt hại thì không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

Trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án trái pháp luật. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định đình chỉ thi hành án khi việc thi hành án.

Quyết định tiếp tục thi hành án. Điều h khoản 1 Điều 38, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về “Phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự” quy định: “Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong các trường hợp sau đây: Ra hoặc cố ý không ra quyết định Tiếp tục thi hành án”. Thông tư liên tịch trong lĩnh vực thi hành án dân sự hướng dẫn tại khoản 9 Điều 6 rằng trường hợp này gồm việc “a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tiếp tục thi hành án trái pháp luật; b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cố ý không ra quyết định tiếp tục thi hành án khi căn cứ, thời hạn hoãn thi hành án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 48 Luật thi hành án dân sự không còn hoặc đã nhận được một trong các quyết định quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật thi hành án dân sự”.

- Hoạt động liên quan tổ chức thi hành quyết định về thi hành án:

Văn bản. Ngoài việc Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã đưa ra một danh sách dạng liệt kê những trường hợp được bồi thường thiệt hại trong hoạt động thi hành án dân sự đã được nêu trên, khoản 2 Điều 38, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về “Phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự” còn quy định: “Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong các trường hợp sau đây: Tổ chức thi hành hoặc cố ý không tổ chức thi hành quyết định quy định tại khoản 1 Điều này. Thông tư liên tịch trong lĩnh vực thi hành án dân sự hướng dẫn tại khoản 10 Điều 6 rằng trường hợp trên gồm việc “a) Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và những người thi hành công vụ khác có hành vi trái pháp luật trong quá trình tổ chức thi hành các quyết định về thi hành án; b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên và những

người thi hành công vụ khác cố ý không tổ chức thi hành các quyết định về thi hành án theo quy định của pháp luật”.

Ví dụ minh họa. Bà Dung (vợ của ông Liêm) là người phải thi hành một số bản án, quyết định dân sự của Tòa án nhân dân huyện Thảng Nhất (nay là huyện Tráng Bom), tỉnh Đồng Nai với tổng số là: 66,5 chỉ vàng 24K, 309.380.000 đồng và 12.052.970 đồng án phí dân sự. Ông Đỗ Ngọc Chắt là Đội trưởng và ông Phùng Văn San là Chấp hành viên đã tổ chức thi hành án. Do không tự nguyện thi hành án nên ngày 27-01- 1996, Đội Thi hành án dân sự huyện Thảng Nhất (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom) đã ra Quyết định số 09/THA với nội dung kê biên toàn bộ tài sản của bà Dung gồm một căn nhà xây. Ngày 27-1- 1996, Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất ra thông báo bán đấu giá tài sản kê biên. Ngày 7-3-1997, Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất bán đấu giá thành tài sản trên cho ông Dĩ với giá 152.000.000 đồng và sau đó, Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất đã tiến hành cưỡng chế giao nhà và đất cho ông Dĩ.

Sau này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định việc thi hành án nêu trên là không đúng pháp luật. Sau đó, ông Liêm đã khởi kiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom ra Tòa án để yêu cầu bồi thường thiệt hại. Về việc xác định trường hợp của ông Liêm có thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự hay không, Tòa án cấp phúc thẩm đã kết luận: “có đủ căn cứ xác định việc Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom tổ chức bán đấu giá tài sản và thi hành án không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tài sản cho ông Liêm. Như vậy, Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom là người có lỗi gây ra toàn bộ thiệt hại cho ông Liêm nên ông Liêm có quyền khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom phải bồi thường theo quy định tại các điều 6, 22, 23, 38, 40, 41, 44 Luật trách nhiệm, bồi thường của Nhà nước.

Việc Tòa án đã xác định vụ việc của ông Liêm thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự là đúng pháp luật và thuyết phục; Đây là trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp tổ chức thi hành quyết định về thi hành án.

Ngày 15-1-2002, Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất (nay là huyện Trảng Bom) có bán đấu giá căn nhà cấp 4 có diện tích 85m² tọa lạc trên lô đất thổ cư có diện tích 475m² tại số 153, đường 20, khu phố 5 của ông Mai và bà Phụng. Bà Thân đã tham gia mua đấu giá và mua được nhà và đất nêu trên với giá 181 triệu đồng. Ngày 29-1-2002, bà Thân đã nộp đủ số tiền đó cho cơ quan thi hành án. Ngày 26-5-2004, Cơ quan Thi hành án huyện Trảng Bom đã ra Quyết định số 01/QĐ-THA hủy toàn bộ kết quả phiên bán đấu giá ngày 15-1-2002 của Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất. Năm 2008, bà Thân chết, sau đó ông Hà (chồng của bà Thân) và các con của bà Thân là các anh Cường, Giang, Dũng khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Chi cục Thi hành án huyện Trảng Bom trả lại tiền và bồi thường thiệt hại theo trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Khi giải quyết tranh chấp theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã nhận định: “Ngày 15-1-2002, Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất, tỉnh Đồng Nai (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom) bán đấu giá căn nhà 153, đường 20, khu phố 5, thị trấn Trảng Bom giá là 181.000.000 đồng. Kết quả bà Thân trúng đấu giá và nộp đủ tiền cho cơ quan thi hành án vào ngày 29-1-2002. Ngày 26-5-2004, cơ quan thi hành án đã hủy toàn bộ quyết định đấu giá và không giao căn nhà nêu trên cho bà Thân. Lỗi dẫn đến việc hủy kết quả đấu giá không phải do bà Thân gây ra mà do lỗi của người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án đã vi phạm thủ tục thi hành án. Cụ thể: Trong quá trình tổ chức cưỡng chế kê biên định giá tài sản và bán đấu giá tài sản, người thi hành công vụ trong cơ quan thi hành án huyện Trảng Bom đã không định giá hết tài sản gắn liền với đất, việc định giá không dựa trên giá thị trường ở địa phương ở thời điểm định giá; sau khi định giá không đưa tài sản ra bán đúng thời hạn, không có hồ Sơ bản vẽ hiện trạng nhà đất và hợp đồng với Trung tâm bán đấu giá tài sản của tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Thông tư số 399/PLDSKT, ngày 07-4-1997 của Bộ Tư pháp; việc tổ chức bán đấu giá tài sản để thi hành án không thực hiện đúng thủ tục.

Do chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom đã vi phạm quy định của pháp luật về thủ tục thi hành án những vi phạm này mà dẫn đến phải hủy kết quả bán đấu giá ngày 15-1-2002. Như vậy, Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom là người có lỗi gây ra toàn bộ thiệt hại cho bà Thân. Qua phân tích trên, cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ

đầy đủ, xem xét toàn diện chứng cứ, xem xét lỗi của các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chi Cục Thi hành án huyện Trảng Bom phải trả lại 181.000.000 đồng, bồi thường thiệt hại 1.761.560 đồng và phải thanh toán tiền đã chi phí thẩm định giá là 6.143.623 đồng cho đồng nguyên đơn là ông Hà, anh Cường, anh Giang và anh Dũng là có căn cứ pháp luật”.

Đối với vụ việc nêu trên, Tòa án các cấp đã xác định người thi hành công vụ trong hoạt động thi hành án dân sự đã vi phạm thủ tục thi hành án, gây thiệt hại và đã giải quyết theo hướng xác định đây là trường hợp được bồi thường thiệt hại trong hoạt động thi hành án dân sự. Theo chúng tôi, hướng giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm trong việc xác định vụ việc thuộc trường hợp được bồi thường thiệt hại trong hoạt động thi hành án dân sự là đúng pháp luật và thuyết phục. Đây là trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong trường hợp tổ chức thi hành quyết định về thi hành án theo quy định nêu trên.

Thi hành án dân sự là phần tiếp theo của tổ tụng dân sự, đây là hai công đoạn về mặt lý thuyết là khác nhau nhưng đôi khi trong thực tế khó phân biệt trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc hoạt động nào và hoàn cảnh sau đây phần nào cho thấy điều này.

Ngày 7-8-1997, Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ra. Quyết định số 175/QĐ-KT cho áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tổ chức phát mại bán máy đào thủy lực OE3322 là phương tiện thi công của Công ty Đoàn Mạnh với giá bán là 88 triệu đồng theo biên bản của Hội đồng định giá ngày 1-7-1997; toàn bộ tiền bán tài sản trên sau khi trừ chi phí cho tổ chức phát mại, số tiền còn lại được chuyển vào tài khoản của Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa để thanh toán các khoản nợ đã vay. Ngày 9-8-1997, Phòng Thi hành án tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định số 240/THA cho phát mại máy đào thủy lực OE3322. Do không bán được tài sản, ngày 13-12-1997, Hội đồng định giá lại lần 3 máy đào thủy lực nêu trên với giá còn 50 triệu đồng, đại diện Công ty Đoàn Mạnh không có mặt nhưng bảo lưu giá máy là 100 triệu đồng và đồng ý để Tòa án tiến hành theo pháp luật. Ngày 20-12-1997, Công ty Đoàn Mạnh có Văn bản xin nhận lại tài sản đang bị kê biên là máy đào thủy lực nêu trên vì máy được định giá thấp so với giá trị tài sản bán theo giá đã định thì gây thiệt

hại cho Công ty và cam kết nếu Công ty đứng bán sẽ cao hơn so với định giá là 20 - 30%, nhưng không được Tòa Kinh tố chấp nhận. Ngày 5-3-1998; ông Sơn là Chấp hành viên Phòng Thi hành án tỉnh Thanh Hóa chủ trì Hội đồng bán máy đào thủy lực nêu trên với giá 50 triệu đồng theo giá của Hội đồng định giá lần 3 ngày 13-12- 1997 cho ông Bá. Ngày 27-2-2002, Công ty Đoàn Mạnh yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (nay là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa) bồi thường thiệt hại do bán chiếc máy đào thủy lực giá thấp, gây thiệt hại cho Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đoàn Mạnh, buộc Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa bồi thường cho Công ty Đoàn Mạnh. Khi giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, về tố tụng, Tòa dân sự Tòa án nhân dân tối cao đã xét rằng, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là đòi bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra là chính xác. Khi Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm thì Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có hiệu lực thi hành, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và pháp luật về nội dung mà chỉ áp dụng pháp luật về tố tụng để giải quyết là thiếu sót”, về nội dung, Tòa dân sự đã xét rằng: “Tại đơn khởi kiện ngày 27-2-2002, Công ty Đoàn Mạnh yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, nay là Cục Thi hành án phải bồi thường thiệt hại do bán chiếc máy đào thủy lực E03322; tại đơn kiện bổ sung ngày 31-3-2003, nguyên đơn có yêu cầu bổ sung đề nghị giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên. Như vậy, yêu cầu khởi kiện chỉ là đòi bồi thường thiệt hại do việc bán chiếc máy đào thủy lực nêu trên. Trong khi đó, đại diện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa cho rằng việc bán chiếc máy trên là do Tổ quản lý tài sản, khi Tòa Kinh tố Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ việc tuyên bố phá sản của Công ty Đoàn Mạnh thực hiện, cơ quan thi hành án chỉ là cơ quan phối hợp; Chấp hành viên Sơn chỉ là một trong các thành viên của Tổ quản lý tài sản; việc bán tài sản trên là đúng giá Hội đồng định giá xác định lần thứ 3 và đúng pháp luật không gây thiệt hại cho Công ty Đoàn Mạnh nên không đồng ý bồi thường. Trong trường hợp này lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cần làm rõ việc Phòng Thi hành án tỉnh Thanh Hóa bán chiếc máy trên có thấp hơn giá trị thực của tài sản đó hay không? Để

xác định Công ty Đoàn Mạnh có bị thiệt hại không? Nếu việc bán tài sản trên thấp hơn giá trị của tài sản thì Công ty bị thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai một bên là Công ty Đoàn Mạnh cho rằng nếu để Công ty Đoàn Mạnh bán máy đào thủy lực nêu trên thì sẽ được giá cao hơn từ 20 - 30% để từ đó xác định việc bán tài sản của Phòng Thi hành án rẻ hơn 15.000.000 đồng là chưa có cơ sở vững chắc. Lẽ ra cần yêu cầu các đương sự có yêu cầu cơ quan chuyên môn thẩm định lại giá tài sản không? Để xác định chính xác giá trị thực của tài sản trên tại thời điểm bán ngày 5-3- 1998 (...). Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra những thiếu sót nghiêm trọng nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm; hơn nữa Tòa án cấp phúc thẩm không áp dụng các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã có hiệu lực; lẽ ra trong trường hợp này, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các quy định khác của pháp luật.

Đối với vụ việc nêu trên, Tòa dân sự đã yêu cầu Tòa án địa phương phải áp dụng trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để giải quyết và theo chúng tôi, hướng giải quyết của Tòa dân sự là thuyết phục. Bên cạnh đó, Tòa dân sự kết luận Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là đòi bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra là chính xác. Theo hướng này, có thể suy luận rằng, Tòa dân sự đã xác định đây là trường hợp được bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nhưng thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự, không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự. Mặc dù Tòa dân sự nhận định không thật sự rõ ràng về phạm vi trách nhiệm bồi thường và cơ quan có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nhưng với hướng giải quyết của Tòa dân sự, chúng ta thấy hướng giải quyết của Tòa Dân sự xác định vụ việc không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự và cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường không phải là cơ quan thi hành án dân sự. Có thể thấy rằng, hướng giải quyết của Tòa dân sự là thuyết phục. Bởi lẽ, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa bán chiếc máy đào nêu trên là do Tổ quản lý tài sản (Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đang giải quyết vụ việc tuyên bố phá sản của Công ty Đoàn Mạnh) thực hiện, cơ quan thi hành án chỉ là

cơ quan phối hợp; Chấp hành viên Sơn chỉ là một trong các thành viên của Tổ quản lý tài sản.

b) Cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự

Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án quy định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự là cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại?

Để hướng dẫn cho việc xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự cần xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự đối với trường hợp người thi hành công vụ gây ra thiệt hại là công chức của Tổng cục Thi hành án dân sự thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là Tổng cục Thi hành án dân sự. Trường hợp người thi hành công vụ gây ra thiệt hại là công chức của Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng. Trường hợp người thi hành công vụ gây ra thiệt hại là công chức của Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, Phòng Thi hành án cấp quân khu thì cơ quan có trách nhiệm bồi thường là Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, Phòng Thi hành án cấp quân khu.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự giao cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự mà gây ra thiệt hại trong phạm vi trách nhiệm bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì cơ quan thi hành án dân sự đó có trách nhiệm bồi thường.

Đối với cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh được xác định là cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có nhiều nhiệm vụ, quyền hạn, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định của Luật thi hành án Dân sự. Để hiểu rõ quy định trên, chúng ta cùng nhau nghiên cứu tình huống sau:

Để thi hành hai bản án kinh tế do ông Minh trả nợ, Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang tiến hành thủ tục bán đấu giá tài sản, ra Quyết định bán

tài sản số 517/UT.THA, ngày 25-10-1999. ông Hiệp đăng ký và mua tài sản đó. Sau đó, Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 352/QĐ.THA, ngày 30-5-2000 để thu hồi Quyết định bán tài sản số 517/UT.THA. Công văn số 07/TP.THA, ngày 8-01-2001 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự cho rằng Phòng Thi hành án dân sự tỉnh An Giang bán tài sản của ông Minh là đúng nhưng Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang ra Quyết định số 352/QĐ.THA thu hồi Quyết định thi hành án số 517/UT.THA là không có căn cứ pháp luật. Sau đó, ông Hiệp khởi kiện yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh An Giang bồi thường thiệt hại cho ông. Khi giải quyết tranh chấp, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xác định vụ việc của ông Hiệp thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự. Về vấn đề xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Tòa án đã xét rằng, thi hành án dân sự tỉnh An Giang phải bồi thường thiệt hại cho ông Hiệp”.

Ở đây, Tòa án đã giải quyết theo hướng xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp nêu trên là Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Với tình tiết trong vụ việc của ông Hiệp nêu trên xảy ra ở thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ áp dụng trách nhiệm bồi thường của Nhà nước để giải quyết. Đây là trường hợp cơ quan thi hành án dân sự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong hoạt động thi hành án theo khoản 2 Điều 40, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và cơ quan có trách nhiệm bồi thường là Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh.

Đối với Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện được xác định là cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có nhiều nhiệm vụ, quyền hạn, trong đó có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp tổ chức thi hành các bản án, quyết định theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Trên cơ sở quy định nêu trên, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có thể là cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường và, để hiểu rõ, chúng ta nhìn lại các vụ việc đã được nêu ở trên.

Trong vụ việc liên quan đến bà Dung (vợ của ông Liêm), chúng ta đã thấy trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh trong hoạt động thi hành án dân sự. Liên quan đến chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, Tòa án cấp phúc thẩm đã kết luận: “Có đủ căn cứ xác định việc Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bôm tổ chức bán đấu giá tài sản và thi hành án không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại về tài sản cho ông Liêm. Như

vậy, Chấp hành viên của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom là người có lỗi gây ra toàn bộ thiệt hại cho ông Liêm nên ông Liêm có quyền khởi kiện yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom phải bồi thường theo quy định tại các điều 6, 22, 23, 38, 40, 41, 44 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”. Như vậy, theo Tòa án các cấp sơ và phúc thẩm thì Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom (trước đây là Đội Thi hành án dân sự huyện Thảng Nhất) có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Liêm và việc xác định này phù hợp với quy định của pháp luật đã được đề cập ở phần trên.

Trong vụ việc liên quan đến ông Mai và bà Phượng nêu trên, chúng ta cũng đã thấy trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phát sinh trong hoạt động thi hành án dân sự. Liên quan đến chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, Tòa án đã xét rằng: “theo Điều 40 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Điều 8 của Thông tư số 24/2011/TTLT-BTP-BQP, ngày 15-12- 2011 thì Đội Thi hành án huyện Thảng Nhất (nay là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom) là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tráng Bom có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà Thân”. Hướng giải quyết của Tòa án trong việc xác định cơ quan chịu trách nhiệm bồi thường như trên là phù hợp với quy định của pháp luật đã được đề cập ở phần trên.

TTBD ĐBDC